

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI
KHOA: KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**



BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ PHẢI THU KHÁCH HÀNG
TẠI CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH**

Giảng viên hướng dẫn	: ThS. TRẦN THỊ BÍCH TÂM
Sinh viên thực hiện	: NGUYỄN THU HẰNG
Lớp	: 17KD15.1

Đà Nẵng, năm 2025

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, em xin được gửi cảm ơn sâu sắc đến thầy cô khoa Kế Toán - Tài Chính của trường Cao Đẳng Thương Mại cùng các thầy cô giảng viên bộ môn khác đã dạy, chỉ bảo và truyền đạt cho em những kiến thức rất quý báu, vô giá cũng như tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình học tập của em. Không chỉ vậy, trong quá trình giảng dạy, thầy cô còn luôn chia sẻ những kinh nghiệm thực tế liên quan đến công việc, đến kỹ năng sống thường ngày giúp chúng em có bước chân vững chãi hơn, tự tin hơn khi va chạm với môi trường thực tế. Đặc biệt em xin chân thành cảm ơn cô Trần Thị Bích Tâm đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ chỉ bảo cho em nghiên cứu đề tài và hoàn thành chuyên đề này. Bên cạnh đó, cô luôn tận tình, nhắc nhở và giúp chúng em sửa chữa báo cáo thực tập. Từ đó, chúng em hoàn thành báo cáo đúng thời hạn và chính chu hơn, đúng với quy định và thời gian của nhà trường đưa ra.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến ban giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên của công ty TNHH TM Minh Thuận Vinh đã tạo điều kiện cho em được thực tập tại công ty suốt thời gian qua. Em đặc biệt cảm ơn đến chị Huỳnh Thị Phụng đã tận tình chỉ bảo và hướng dẫn em trong suốt quá trình thực tập. Những chia sẻ, lời khuyên và sự hỗ trợ nhiệt tình của chị đã giúp em hiểu rõ hơn về công việc thực tế cũng như luôn tạo điều kiện giúp em hoàn thành tốt báo cáo thực tập.

Trong thời gian thực tập và làm báo cáo em đã cố gắng rất nhiều, tuy nhiên khó tránh khỏi có những thiếu sót mà bản thân không nhận ra. Vì vậy em rất mong nhận được sự thông cảm, cùng những ý kiến nhận xét, góp ý chân thành từ quý thầy cô để em có thể rút kinh nghiệm cho bản thân hoàn thiện tốt hơn.

Cuối cùng em xin kính chúc các thầy cô có thật nhiều sức khỏe, tràn đầy nhiệt huyết và tiếp tục gặt hái được nhiều thành công trong sự nghiệp giảng dạy và chúc cho trường CĐ Thương mại sẽ đạt được nhiều thành công trong tương lai.

Đà Nẵng, tháng 12, năm 2025

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thu Hằng

DANH MỤC BẢNG BIỂU

STT	TÊN	TRANG
1	Bảng 2.1: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của công ty Minh Thuận Vinh	15
2	Bảng 2.2: Hóa đơn GTGT số 201	17
3	Bảng 2.3: Phiếu xuất kho số XK00692	18
4	Bảng 2.4: Giấy báo có 00003	19
6	Bảng 2.5: Hóa đơn GTGT số 320	20
7	Bảng 2.6: Phiếu xuất kho số XK00348	21
8	Bảng 2.7: Giấy báo có 00004	21
9	Bảng 2.8: Hóa đơn GTGT số 543	22
10	Bảng 2.9: Phiếu xuất kho số XK00571	23
11	Bảng 2.10: Phiếu thu số 00573	24
12	Bảng 2.11: Sổ chi tiết vật liệu, hàng hóa	26
13	Bảng 2.12: Sổ chi tiết vật liệu, hàng hóa	27
14	Bảng 2.13: Bảng tổng hợp nhập - xuất-tồn hàng hóa	28
15	Bảng 2.14: Sổ chi tiết thanh toán với người mua	29
16	Bảng 2.15: Sổ chi tiết thanh toán với người mua	30
17	Bảng 2.16: Sổ chi tiết thanh toán với người mua	31
18	Bảng 2.17: Bảng tổng hợp công nợ phải thu	32
19	Bảng 2.18: Sổ nhật ký chung	33,34
20	Bảng 2.19: Sổ cái TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	35
21	Bảng 2.20: Sổ cái TK 131 – Phải thu của khách hàng	36
22	Bảng 2.22: Sổ cái TK 632 – Giá vốn	37
23	Bảng 2.22: Sổ cái TK 156 – Hàng hóa	38
24	Bảng 2.23: Sổ cái TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	39

DANH MỤC SƠ ĐỒ

STT	Hình vẽ sử dụng	Trang
1	Sơ đồ 1.2. Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.	7
2	Sơ đồ 1.1 Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	8
3	Sơ đồ 1.3. Sơ đồ trình tự hạch toán thanh toán tiền hàng	9
4	Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH TM MINH THUẬN VINH	11
5	Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán	12
6	Sơ đồ 2.3: . Sơ đồ hình thức kế toán trên máy vi tính tại công ty TNHH TM MINH THUẬN VINH	13
7	Sơ đồ 2.4. Sơ đồ quy trình kế toán bán hàng và phải thu khách hàng của công ty TNHH TM MINH THUẬN VINH	16

DANH MỤC VIẾT TẮT

1	BCTC	Báo cáo tài chính
2	BTC	Bộ tài chính
3	BDS	Bất động sản
4	DV	Dịch vụ
5	DN	Doanh nghiệp
6	GTGT	Giá trị gia tăng
7	KKĐK	Kiểm kê định kỳ
8	MTV	Một thành viên
9	TK	Tài khoản
10	TSCĐ	Tài sản cố định
11	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
12	TM	Thương mại
13	TT	Thông tư
14	TNHH TM	Trách nhiệm hữu hạn thương mại
15	XK	Xuất khẩu
16	BVMT	Bảo vệ môi trường
17	TTDB	Tiêu thụ đặc biệt

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	i
DANH MỤC SƠ ĐỒ.....	ii
DANH MỤC VIẾT TẮT	iii
MỤC LỤC	iv,v
CHƯƠNG I : TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ PHẢI THU KHÁCH HÀNG	1
1.1. Cơ sở lý thuyết về bán hàng và thanh toán tiền hàng	1
1.1.1. Khái niệm của kế toán bán hàng và thanh toán tiền hàng	1
1.1.2. Nguyên tắc kế toán bán hàng và thanh toán tiền hàng	1
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và thanh toán tiền hàng.....	1
1.1.4. Các phương thức bán hàng và thanh toán tiền hàng	2
1.2. Nội dung, nhiệm vụ kế toán bán hàng và thanh toán tiền hàng	2
1.2.1. Tiếp nhận, lập chứng từ kế toán.....	2
1.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng.....	3
1.2.3. Trình tự kế toán	7
1.2.4. Lập sổ kế toán	9
1.2.4.1 Sổ kế toán chi tiết	9
1.2.4.2.Sổ kế toán tổng hợp	9
CHƯƠNG II : TÌNH HÌNH THỰC TẾ VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH.....	10
2.1. Tổng quan về Công Ty TNHH TM Minh Thuận Vinh.....	10
2.1.1. Giới thiệu khái quát chung về Công ty TNHH TM Minh Thuận Vinh.....	10
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của công ty.....	10
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý	11
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán.....	12
2.1.5. Hình thức kế toán tại đơn vị	13
2.1.6.Trình tự ghi sổ	14
2.1.7. Lĩnh vực hoạt động.....	14
2.1.8. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.....	15
2.2. Thực trạng kế toán bán hàng và phải thu khách hàng tại Công ty TNHH TM Minh Thuận Vinh	16

2.2.1. Quy trình kế toán bán hàng và phải thu khách hàng	16
2.2.2. Thực trạng kế toán bán hàng và phải thu khách hàng	17
2.2.2.1. Chứng từ kế toán	17
2.2.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng.....	25
2.2.2.3. Lập sổ kế toán.....	25
2.3. Nhận xét.....	40
2.3.1. Về chấp hành chế độ, chính sách kế toán	40
2.3.2. Về phân công nhiệm vụ.....	40
2.3.3. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán	40
CHƯƠNG III : BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH	41
3.1. Những điểm giống và khác nhau giữa lý thuyết và thực tiễn kế toán bán hàng và phải thu khách hàng	41
3.1.1. Điểm giống nhau	41
3.1.2. Điểm khác nhau.....	41
3.2. Bài học kinh nghiệm của bản thân khi thực hiện kế toán bán hàng và phải thu khách hàng	42
3.2.1. Về kiến thức	42
3.2.2. Về kỹ năng.....	42
3.2.3. Về thái độ	42
3.3. Đề xuất, kiến nghị với nhà trường khi tổ chức giảng dạy phần hành kế toán bán hàng và thanh toán tiền hàng	43

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

1.1. Cơ sở lý thuyết về bán hàng và phải thu khách hàng

1.1.1. Một số khái niệm

a. Khái niệm bán hàng

Bán hàng là khâu cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp. đây là quá trình chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa người mua và doanh nghiệp thu tiền về hoặc được quyền thu tiền. Xét góc độ về kinh tế: Bán hàng là quá trình hàng hóa của doanh nghiệp được chuyển từ hình thái vật chất (hàng) sang hình thái tiền tệ (tiền).

b. Khái niệm phải thu khách hàng

phải thu khách hàng là khoản tiền mà bên mua thanh toán cho bên bán dựa trên số lượng hàng hóa và giá cả mà hai bên đã thoả thuận.

1.1.2. Nguyên tắc kế toán bán hàng và phải thu khách hàng

Doanh thu từ bán hàng được ghi nhận khi sản phẩm hoặc dịch vụ đã được chuyển giao cho khách hàng và có thể xác định được số tiền sẽ thu hồi.

- Tất cả giao dịch bán hàng phải có chứng từ hợp lệ như hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho, biên lai thu tiền.
- Cần quản lý chặt chẽ các khoản phải thu từ khách hàng để đảm bảo thu hồi đúng hạn.
- Các phương thức thanh toán (tiền mặt, chuyển khoản, thẻ tín dụng) phải được ghi chép rõ ràng và phù hợp với quy định của pháp luật. Cuối kỳ kế toán, doanh thu từ bán hàng cần được kết chuyển vào báo cáo tài chính để phản ánh đúng tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Cần ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng, từ đó xác định chính xác lợi nhuận.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc, tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán.
- Kiểm tra, giám sát các khoản thu chi tài chính, nghĩa vụ thu nộp, thanh toán nợ, kiểm tra quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện, ngăn chặn vi phạm pháp luật tài chính, kế toán.
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất giải pháp phục vụ quản trị và ra quyết định kinh tế, tài chính của đơn vị.
- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định pháp luật

- Nhiệm vụ của kế toán gắn liền với đồng tiền và tài sản của công ty. Kế toán ghi chép, theo dõi, phản ánh sự vận động của vốn, tài sản, doanh thu, lợi nhuận. Cụ thể, kế toán ghi chép quá trình thu chi tài sản, phân tích số liệu, tạo báo cáo phục vụ điện hành, lập kế hoạch kinh doanh.

1.1.4. Các phương thức bán hàng và phải thu khách hàng

a. Các phương thức bán hàng

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Theo phương thức này bên khách hàng uỷ quyền cho cán bộ nghiệp vụ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán hoặc giao nhận hàng tay ba (các DNTM mua bán thẳng) người nhận hàng sau khi ký vào chứng từ bán hàng của doanh nghiệp thì hàng hoá được xác định là bán (hàng đã chuyển quyền sở hữu).

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng là cách thức giao nhận hàng hóa được quy định trong một hợp đồng giữa bên bán và bên mua. Các phương thức chuyển hàng có thể được lựa chọn dựa trên các điều kiện như khoảng cách, thời gian giao hàng, loại hàng hóa và yêu cầu của từng bên.

- Phương thức bán đại lý: Là phương thức bán hàng mà trong đó doanh nghiệp thương mại giao hàng cho cơ sở nhận bán đại lý, ký gửi để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Sau khi bán được hàng, cơ sở đại lý thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp và được hưởng một khoản tiền gọi là hoa hồng đại lý.

b. Các phương thức phải thu khách hàng

- Phương thức thanh toán trực tiếp

+ Thanh toán bằng tiền mặt: Hàng hóa của công ty sau khi giao cho khách hàng, khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt.

+ Thanh toán không dùng tiền mặt: Là quan hệ thanh toán không trực tiếp sử dụng tiền mặt được thực hiện bằng trích chuyển tài khoản hoặc bù trừ công nợ giữa các đơn vị, tổ chức kinh tế và cá nhân thông qua ngân hàng. Các thể thức thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng: Thanh toán bằng Sec, uỷ nhiệm chi – chuyển tiền, thẻ tín dụng...

- Phương thức trả chậm: Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, người mua thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại, người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định.

1.2 . Nội dung kế toán bán hàng và thanh toán tiền hàng

1.2.1. Tiếp nhận; Lập chứng từ kế toán

- Chứng từ tiếp nhận:

+ Giấy báo Có

+ Giấy báo Nợ

+ Biên bản giao nhận hàng hóa

- **Chứng từ kế toán doanh nghiệp lập:**

+ Hóa đơn GTGT

- + Phiếu thu
- + Phiếu xuất kho
- + Biên bản kiểm kê hàng hóa

1.2.2 Tài khoản kế toán sử dụng

a. TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

-Công dụng: Phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty, công ty con trong cùng một tập đoàn.

-Kết cấu và nội dung

Nợ	TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Có
SPS:		SPS:
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTDB, XK, BVMT)		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán
-Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ		
-Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ		
-Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ		
-Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh		

b. TK 131 – Phải thu khách hàng

* **Công dụng:** dùng để theo dõi các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán của doanh nghiệp với khách hàng, bao gồm các giao dịch bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định, đầu tư tài chính và các khoản phải thu khác.

* **Kết cấu và nội dung**

Nợ	TK 131 – Phải thu khách hàng	Có
<p><u>SDDK:</u></p> <p>SPS:</p> <p>- Ghi nhận các khoản phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ, bao gồm tiền bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định, bất động sản đầu tư, hoặc các</p> <p><u>DƯ NỢ:</u> Phản ánh tổng số tiền mà doanh nghiệp còn phải thu của khách hàng tại thời điểm báo cáo</p>		<p>SPS:</p> <p>-Ghi nhận các khoản đã thu từ khách hàng, các khoản nhận ứng trước, các khoản giảm giá hàng bán, hoặc các khoản chiết khấu thanh toán/thương mại cho khách hàng</p> <p><u>DƯ CÓ:</u> Số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.</p>

c.TK 156- Hàng hóa

-Công dụng: Dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng theo giá thực tế.

-Nội dung và kết cấu:

TK 156 – Hàng hóa

Có	Nợ
SDDK SPS: <ul style="list-style-type: none"> - Trị giá mua vào của hàng hóa theo hóa đơn mua hàng (bao gồm các loại thuế không được hoàn lại); - Chi phí thu mua hàng hóa; - Trị giá của hàng hóa thuê ngoài gia công - Trị giá hàng hóa đã bán bị người mua trả lại; - Trị giá hàng hóa phát hiện thừa khi kiểm kê. 	SPS: <ul style="list-style-type: none"> Trị giá của hàng hóa xuất kho để bán, giao đại lý hoặc sử dụng cho sản xuất, kinh doanh; - Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa đã xuất bán trong kỳ; - Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng; - Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng; - Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán; Trị giá hàng phát hiện thiếu khi kiểm kê.
SDCK: Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ	



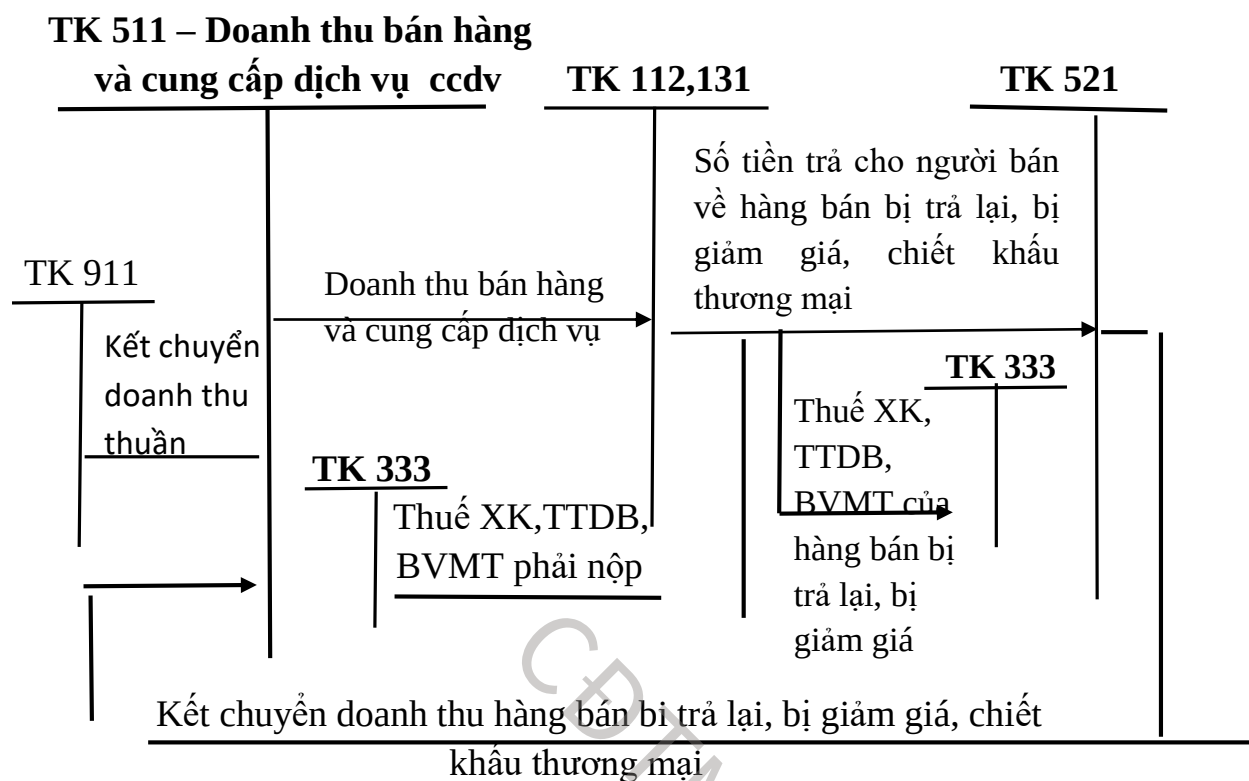
d.TK 632 – Giá vốn hàng bán

-Công dụng: Phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

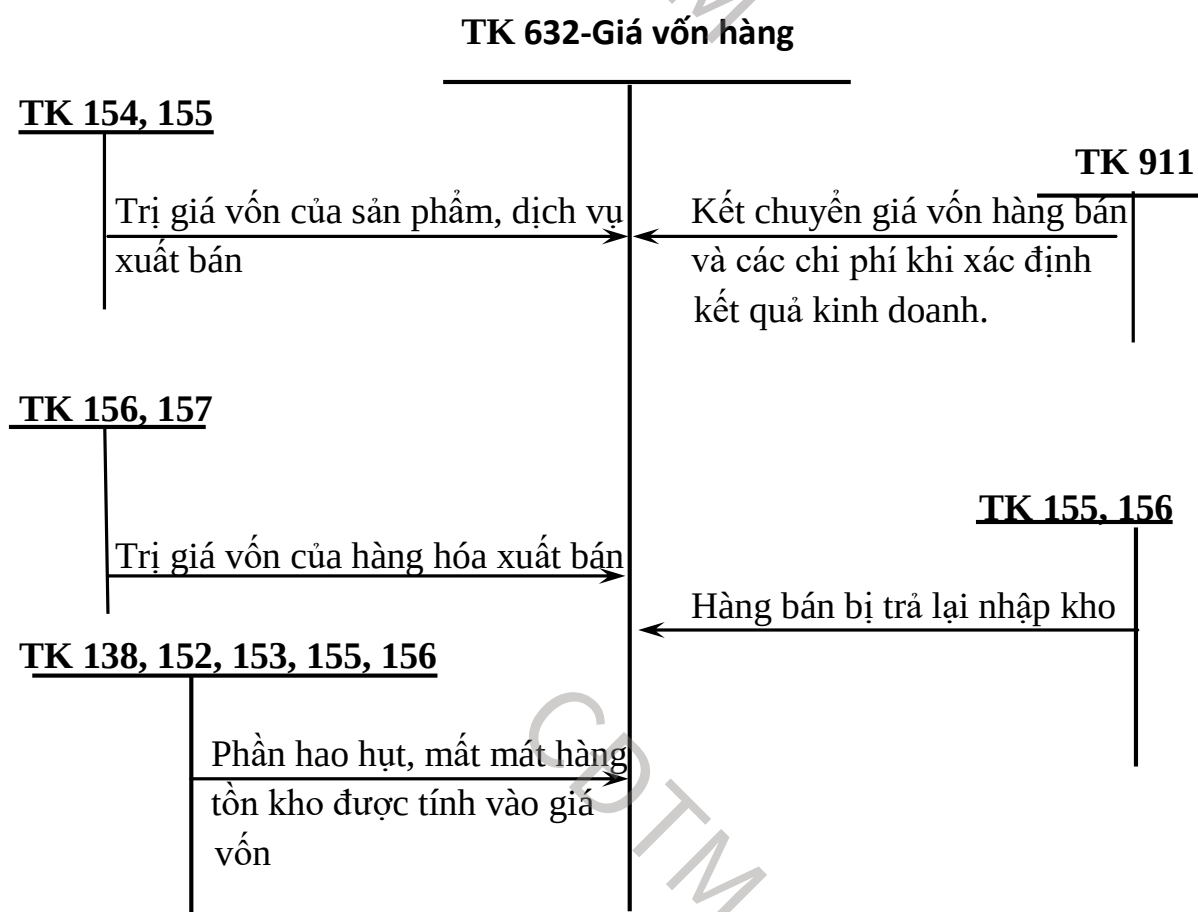
-Nội dung và kết cấu:

Nợ	TK 632 – Giá vốn hàng bán	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ; - Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn bán trong kỳ; - Các khoản hao hụt, mất mát hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa khoản phải lập năm nay lớn hơn khoản trích lập năm trước chưa sử dụng hết). 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho - Khoản giảm giá, chiết khấu thương mại hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ; - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào trị giá hàng mua, nếu khi xuất bán mà các khoản thuế đó được hoàn lại

1.2.3. Trình tự kế toán (sơ đồ hạch toán)



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ trình tự hạch toán phải thu khách hàng

1.2.4. Lập sổ kế toán

1.2.4.1 Sổ kế toán chi tiết

- + Sổ chi tiết tài khoản 112- Tiền gửi Ngân hàng
- + Sổ quỹ tài khoản 111- Tiền mặt
- + Sổ chi tiết tài khoản 156- Hàng hóa
- + Sổ chi tiết tài khoản 131- Phải thu khách hàng
- + Sổ theo dõi tài khoản 333- thuế GTGT
- + Sổ chi tiết tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + Sổ chi tiết tài khoản 632- Giá vốn hàng hóa

1.2.4.2. Sổ kế toán tổng hợp

-Hình thức Nhật ký chung:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 156, TK 131, TK 511, TK 632

CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH THỰC TẾ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH TM Minh Thuận Vinh

2.1.1. Giới thiệu khái quát chung về Công ty TNHH TM Minh Thuận Vinh

- Công ty TNHH TM Minh Thuận Vinh được thành lập theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/08/2024.
- Tên gọi: Công ty TNHH TM Minh Thuận Vinh
- Trụ sở (địa chỉ cụ thể): 100 Bùi Tấn Diên-Phường Hòa Khánh-Thành Phố Đà Nẵng
- Mã số thuế : 0402246099
- Lĩnh vực/ Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán thực phẩm
- Năm tài chính: 19/08/2024
- Chế độ kế toán áp dụng: Áp dụng theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 28/06/2016 của Bộ Tài chính.
- Phương pháp kê khai thuế: Theo phương pháp khấu trừ
- Hạch toán hàng tồn kho theo: phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá xuất kho theo :phương pháp thực tế đích danh
- Đồng tiền sử dụng trong giao dịch và lập BCTC: là VND

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của công ty

a. Chức năng

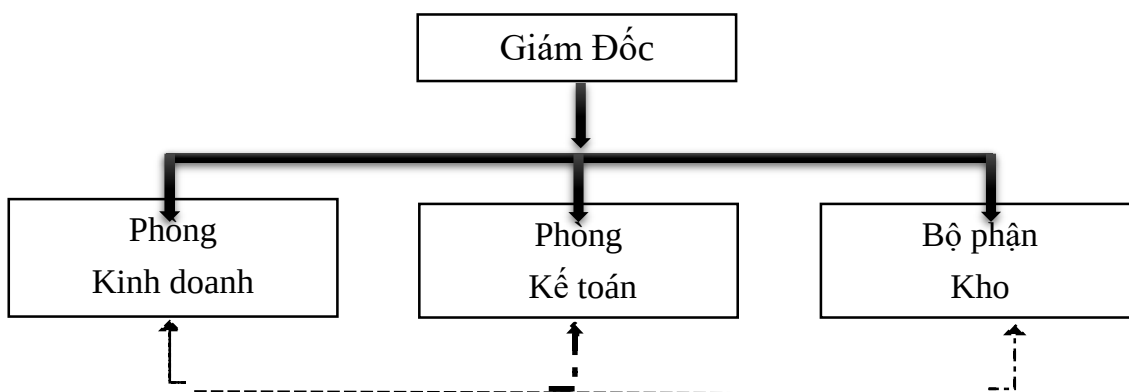
- Công ty có chức năng phân phối cung cấp đường, sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột và tinh bột

b. Nhiệm vụ

- Thực hiện mục đích kinh doanh theo đúng quyết định thành lập công ty theo giấy phép hoạt động kinh doanh, phục vụ nhu cầu của khách hàng nhằm kinh doanh có lãi.
- Công ty cam kết mang lại cho khách hàng các sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, bảo đảm an toàn thực phẩm, chất lượng theo đúng tiêu chuẩn đã được kiểm định.
- Bảo toàn và phát triển tối ưu nguồn vốn.
- Tổ chức quản lý tốt lao động trong công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý

a. Sơ đồ



Hình 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH TM Minh Thuận Vinh

Ghi chú:

- > Quan hệ chỉ đạo
 - - - - -> Quan hệ phối hợp

b. Nhiệm vụ của từng bộ phận

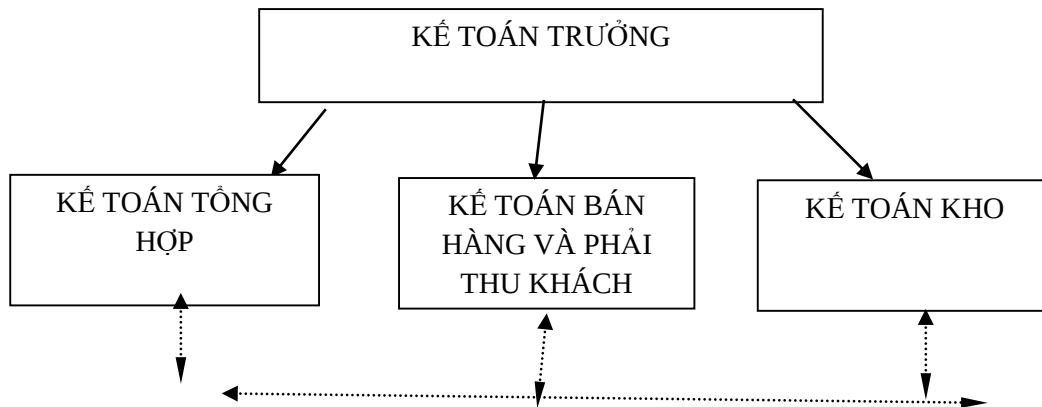
- Giám đốc: là người đứng đầu Công ty, có trách nhiệm quản lý mọi hoạt động của Công ty, đồng thời cũng là người chịu trách nhiệm về mặt pháp lý cho mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Phòng kế toán: là bộ phận giám sát, phản ánh đầy đủ toàn bộ các hoạt động kinh tế phát sinh trong quá trình kinh doanh. Lập kế hoạch về nhu cầu vốn kinh doanh nhằm đảm bảo nguồn kinh doanh của Công ty. Theo dõi chặt chẽ các hoạt động kinh tế, thu hồi công nợ, tổng hợp báo cáo chính xác, báo cáo quyết toán đúng hạn, đúng thời gian quy định cho Công ty.
- Phòng kinh doanh: nắm bắt thông tin, giá cả, nhu cầu mua bán, tìm kiếm bạn hàng, nghiên cứu thị trường, đối thủ cạnh tranh, lập kế hoạch và đưa ra các chiến lược kinh doanh. Đảm bảo cho hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả.
- Bộ phận kho: chịu trách nhiệm lưu kho, bảo quản và theo dõi số lượng hàng hóa; lập phiếu nhập kho/xuất kho, bảng kê bán lẻ trước khi giao/nhận hàng hóa

trong kho, đóng gói và bố trí đơn hàng ở khu vực giao hàng, theo dõi tình hình biến động của hàng hóa trong kho.

2.1.4 Tổ chức bộ máy kế toán

a. Sơ đồ

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung



Ghi chú: —————> Quan hệ trực tuyến
 <-----> Quan hệ phối hợp

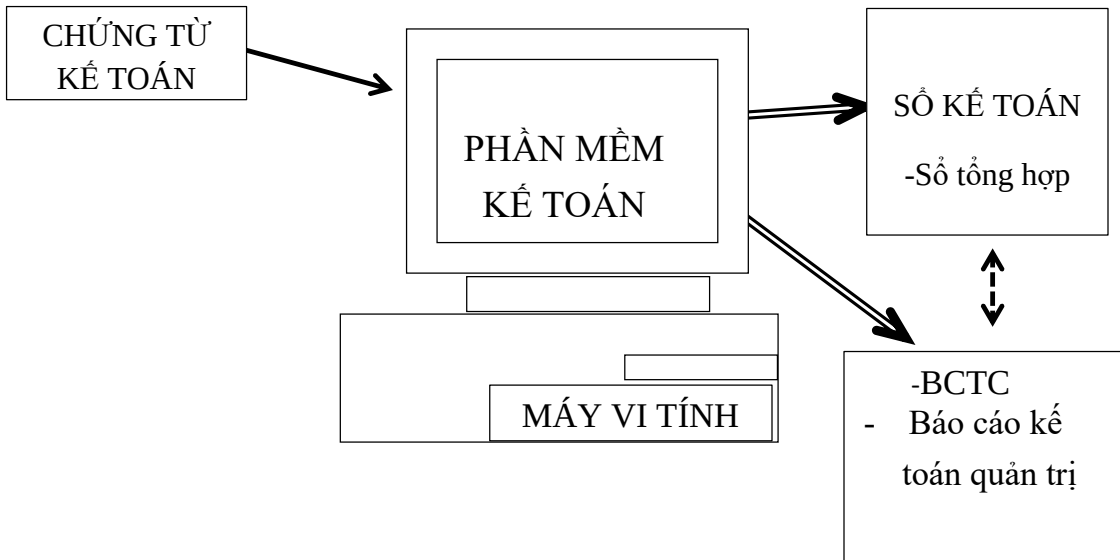
Sơ đồ 1.1. Tổ chức bộ máy kế toán

b. Nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán liên quan

- Kế toán trưởng là người tổ chức, chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán như: Tổ chức chỉ đạo các phân hành kế toán, thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính, tổ chức điều hành bộ máy kế toán, lập báo cáo tài chính.
- Kế toán kho có nhiệm vụ theo dõi tình hình nhập kho hàng hóa mua vào và xuất hàng hóa để bán, khuyến mãi; theo dõi công nợ mua bán đối với từng khách hàng và nhà cung cấp; đơn đốc quá trình thu nợ của nhân viên kinh doanh.
- Kế toán tổng hợp là người điều hành, giám sát công việc của kế toán kho, theo dõi tình hình biến động của tiền mặt, tiền gửi, làm phân hành tiền lương các khoản trích theo lương theo từng đối tượng chịu chi phí đúng chính sách, chế độ về lao động, tiền lương theo quy định. Chịu trách nhiệm trước giám đốc về toàn bộ hoạt động của phòng tài vụ kế toán theo quy định của luật kế toán Việt Nam và các quy định khác của nhà nước về công tác tài chính kế toán.
- Kế toán bán hàng và phải thu khách hàng: có nhiệm vụ quản lý và theo dõi tất cả các nghiệp vụ liên quan đến việc bán hàng, từ xuất hóa đơn đến doanh thu và chi phí bán hàng.

2.1.5. Hình thức kế toán tại đơn vị

a. Sơ đồ hình thức kế toán



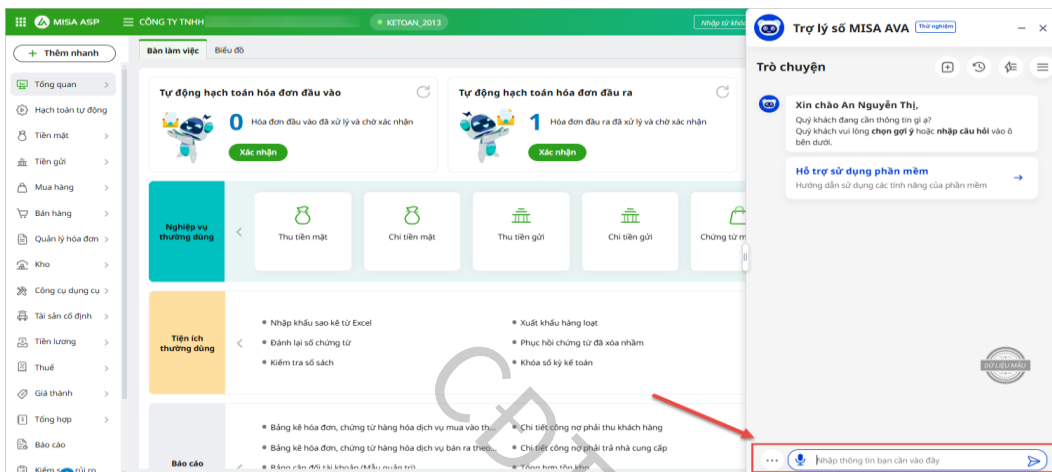
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ hình thức kế toán trên máy vi tính tại công ty TNHH TM Minh Thuận Vinh

Ghi chú:

- Nhập số liệu hằng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

- Hiện tại Công ty đang áp dụng hình thức kế toán máy in sổ theo hình thức Nhật ký chung. Phần mềm kế toán mà Công ty đang sử dụng là phần mềm Misa Asp

- Giao diện phần mềm



2.1.6. Trình tự ghi sổ

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Nhật ký chung, Sổ cái) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính khi đã in ra giấy. Cuối quý, cuối năm sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

2.1.7. Lĩnh vực hoạt động

- *Buôn bán* đường, sữa, bánh kẹo

- *Bán* các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột và tinh bột.

2.1.8. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mẫu số: **B02**
- **DNN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH THUẬN VINH
[03] Mã số thuế: 0402246099

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.652.180.613	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		4.652.180.613	0
4. Giá vốn hàng bán	11		4.360.074.408	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		292.106.205	0
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		474	0
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		249.583.129	0
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		42.523.550	0
10. Thu nhập khác	31		899	0
11. Chi phí khác	32		977.283	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(976.384)	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		41.547.166	0
14. Chi phí thuế TNDN	51		8.503.481	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		33.043.685	0

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 19 tháng 03 năm 2025
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
TƯỜNG DUY HÙNG

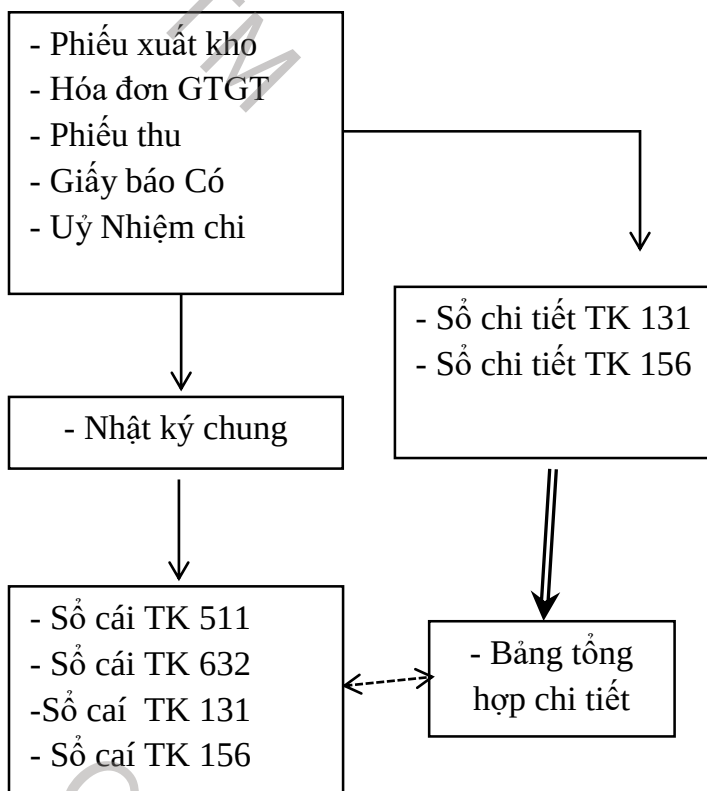
Bảng 2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2024

2.2. Thực trạng kế toán bán hàng và phải thu khách hàng tại CTY TNHH TM Minh Thuận Vinh

2.2.1 Quy trình kế toán bán hàng và phải thu khách hàng tại Công ty TNHH TM Minh Thuận Vinh

Hiện tại Công ty đang áp dụng hình thức kế toán máy in sổ theo hình thức Nhật ký chung. Phần mềm kế toán mà Công ty đang sử dụng là phần mềm Misa Asp

- Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 2.4. Sơ đồ quy trình kế toán bán hàng và phải thu khách hàng của Công ty TNHH TM Minh Thuận Vinh

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
 =====> Ghi cuối tháng
 <-----> Đối chiếu

2.2.2. Thực trạng kế toán bán hàng & phải thu khách hàng tại công ty TNHH TM Minh Thuận Vinh

2.2.2.1. Chứng từ kế toán

Để minh họa cho nghiệp vụ bán hàng và phải thu khách hàng trong báo cáo này tác giả lấy số liệu của tháng 12 năm 2024. Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán...

Nghiệp vụ 1: Ngày 30 tháng 11 năm 2024 xuất bán cho Trường THCS cơ sở Huỳnh Thúc Kháng theo phiếu xuất kho số XK00692 và hóa đơn số 201, khách hàng nợ tiền hàng. Căn cứ vào nghiệp vụ trên, kế toán lập Phiếu xuất kho, Hóa đơn GTGT

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH THUẬN VINH
Mã số thuế: 0402246099
Địa chỉ: 05 Nguyễn Chí, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại:
Số tài khoản: 19040013179010 - Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam Techcombank

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Ngày 30 tháng 11 năm 2024
Mã CQT: 0076BFD3D87589460AA9EB3581CFD604E8

Ký hiệu: 1C24TYY
Số: 00000201

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUỖNH THỨC KHÁNG
Mã số thuế: 4000409488
Mã QHNS:
Địa chỉ: Khóm 7, Phường Trường Xuân, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Căn cước công dân:
Hình thức thanh toán: TM/CK
Số tài khoản:
Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bánh gạo One One gold vị phô mai ngô 118g	Gói	30	18.602,0	558.060
2	Bánh Gạo One One Vị Ngọt 150g	Gói	31	12.077,0	374.387
Cộng tiền hàng:					932.447
Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT:					74.596
Tổng tiền thanh toán:					1.007.043

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu không trăm linh bảy nghìn không trăm bốn mươi ba đồng chẵn.

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
MINH THUẬN VINH
Ký ngày: 30/11/2024

Tra cứu tại Website: <https://www.melinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: KEC0HLPV8QGN
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Bảng 2.2 Hóa đơn điện tử số 00000201

05 Nguyễn Chích, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 11 năm 2024

Số: XK00692

Nợ: 632

Có: 156

- Họ và tên người nhận hàng: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUỲNH THỨC KHÁNG
- Địa chỉ (bộ phận): Khối 7, Phường Trường Xuân, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUỲNH THỨC KHÁNG theo hóa đơn số 00000201

- Xuất tại kho (ngăn lô): KHO HÀNG HÓA

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bánh gạo One One gold vị phô mai ngô 118g	BG OO PM118	Gói	30,00	30,00	17.200,00	516.000
2	Bánh gạo One One Vị Ngọt 150g	BG OO N150	Gói	31,00	31,00	11.188,00	346.828
	Cộng						862.828

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): *Tám trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm hai mươi tám đồng.*

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có
nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 30 tháng 11 năm 2024

Bảng 2.3 Phiếu xuất kho số 00692

Nghiệp vụ 2: Đến ngày 16/12/2024 Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng trả nợ tiền hàng. Số tiền còn thiếu trường Huỳnh Thúc Kháng sẽ thanh toán trong đơn hàng tiếp theo. Kế toán tiếp nhận giấy báo có.

05 Nguyễn Chích, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng

GIẤY BÁO CÓ

Người nộp tiền: TRƯỞNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUỲNH THỨC KHÁNG Địa chỉ: Khối 7, Phường Trường Xuân, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam Lý do: Thu tiền của TRƯỞNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUỲNH THỨC KHÁNG		Số: NTK00003 Ngày: 16/12/2024 Tài khoản: 11211		
Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: 19040013179010 Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Số tiền: 1.000.000 Số tiền bằng chữ: Một triệu đồng.				
Số tiền VND		Số tiền VND		
Số tiền bằng chữ: Một triệu đồng.		Số tiền bằng chữ: Một triệu đồng.		
Diễn giải	Số tiền nguyên tệ (VND)	Số tiền (VND)	Ghi Nợ	Ghi Có
Thu tiền của TRƯỞNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUỲNH THỨC KHÁNG	1.000.000,00	1.000.000	11211	131

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Bảng 2.4 Giấy báo có 00003

Nghiệp vụ 3: Ngày 16/12/20204 đơn vị xuất hàng bán cho Công ty Cổ Phần Tập Đoàn RES theo phiếu xuất kho số XK00348 và hóa đơn số . Tiền hàng thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng. Kế toán tiếp nhận giấy báo có số 00004.

-Căn cứ vào nghiệp vụ trên, kế toán lập Hóa đơn GTGT, Giấy báo có, Phiếu xuất kho.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH THUẬN VINH
Mã số thuế: 0402246099
Địa chỉ: 05 Nguyễn Chíich, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại:
Số tài khoản: 19040013179010 - Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam Techcombank

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Ngày 16 tháng 12 năm 2024
Mã CCT: 000494E7560B6F4590BD1EF2DFBD9A43EE

Ký hiệu: 1C24TYYY
Số: 00000320

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN RES
Mã số thuế: 0109044189
Mã QHNS:
Địa chỉ: Số 89 Phố Yên Lãng, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Cán cước công dân:
Hình thức thanh toán: TM/CK
Số tài khoản:
Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bánh gạo One One Bò nướng 150g	Gói	40	16.162,0	646.480
2	Bánh gạo One One Goid vị sữa ngô 120g	Gói	31	12.077,0	374.387
Cộng tiền hàng:					1.020.867
Thuế suất GTGT: 8%					Triển thuế GTGT: 81.669
Tổng tiền thanh toán:					1.102.536

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm linh hai nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng chẵn.

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
MINH THUẬN VINH
Ký ngày: 16/12/2024

Tra cứu tại Website: <https://www.mefinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: ZKC9FPK20CE1
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Phát hành bởi phần mềm MISA mefinvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Bảng 2.5 Hóa đơn điện tử số 00000320

05 Nguyễn Chích, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 12 năm 2024

Số: XK00348

Nợ: 632

Có: 156

- Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN RES
- Địa chỉ (bộ phận): Số 89 Phố Yên Lăng, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN RES theo hóa đơn số 00000320
- Xuất tại kho (ngăn lô): KHO HÀNG HÓA

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bánh gạo One One Bò nướng 150g	BG OO B150	Gói	40,00	40,00	14.907,00	596.280
2	Bánh gạo One One gold vị sữa ngô 120g	BG OOG SN120	Gói	31,00	31,00	11.680,00	362.080
	Cộng						958.360

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): **Chín trăm năm mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi đồng.**

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 16 tháng 12 năm 2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có
nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.6 Phiếu xuất kho số 00348

05 Nguyễn Chích, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng

GIẤY BÁO CÓ

Người nộp tiền: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN RES Địa chỉ: Số 89 Phố Yên Lăng, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Lý do: Thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN RES		Số: NTK00004 Ngày: 16/12/2024 Tài khoản: 11211			
Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: 19040013179010 Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Số tiền: 1.102.536 Số tiền bằng chữ: Một triệu một trăm linh hai nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng.					
Diễn giải		Số tiền nguyên tệ (VND)	Số tiền (VND)	Ghi Nợ	Ghi Có
Thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN RES		1.102.536	1.102.536	11211	131
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	

Bảng 2.7 Giấy báo có 00004

Nghiệp vụ 3: Ngày 31/12/2024 đơn vị xuất hàng bán cho Mẹ Bống theo phiếu xuất kho số XK00571 và hóa đơn số 543. Tiền hàng thu ngay bằng tiền mặt theo phiếu thu số PT00573.

-Căn cứ vào nghiệp vụ trên, kế toán lập Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Phiếu xuất kho.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH THUẬN VINH
Mã số thuế: 0402246099
Địa chỉ: 05 Nguyễn Chích, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại:
Số tài khoản: 19040013179010 - Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam Techcombank

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Kỳ hiệu: 1C24TYY
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Số: **00000543**
Mã CQT: 00E312A73C447E46D4A651E95D50464550

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Mẹ Bống
Mã số thuế:
Mã QHNS:
Địa chỉ: Ngã 3 Hương An, Huyện Quế Sơn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Căn cước công dân:
Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:
Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bánh gạo One One Bò nướng 150g	Gói	200,00	15.700,00	3.140.000
2	Bánh gạo One One Vị Ngọt 150g	Gói	150,00	11.800,00	1.770.000
3	Bánh gạo Ichị 100g	Gói	200,00	12.000,00	2.400.000
4	Bánh gạo One One gold vị phô mai ngô 118g	Gói	300,00	18.200,00	5.460.000
5	Bánh gạo One One khoai lang tím 166g	Gói	100,00	19.300,00	1.930.000
Cộng tiền hàng:					14.700.000
Thuế suất GTGT: 8%					Tiền thuế GTGT: 1.176.000
Tổng tiền thanh toán:					15.876.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười lăm triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng.

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
MINH THUẬN VINH
Ký ngày: 31/12/2024

Trà cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: 44C6F5D1RB6Q
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Bảng 2.8 Hóa đơn điện tử số 00000543

05 Nguyễn Chích, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu,
TP Đà Nẵng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Nợ: 632

Số: XK00571

Có: 156

Tên khách hàng: Mẹ Bồng

Địa chỉ: Ngã 3 Hương An, Huyện quê Sơn, Tỉnh Quảng Nm Nam

Lí do xuất kho: bán hàng cho Mẹ Bồng theo HD số 00000543

Xuất tại kho: Kho hàng hóa

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bánh gạo One One Bò nướng 150g	BG OO B150	Gói	200	200	14.907	2.981.400
2	Bánh gạo One One vị ngọt 150g	BG OO N150	Gói	150	150	11.188	1.678.200
3	Bánh gạo Ichi 100g	BG IC100	Gói	200	200	11.000	2.200.000
4	Bánh gạo One One gold vị phô mai ngô 118g	BG OO PM118	Gói	300	300	17.200	5.160.000
5	Bánh gạo One One khoai lang tím 166g	KLT 166	Gói	100	100	18.100	1.810.000
	Cộng						13.829.600

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười ba triệu tám trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc

Bảng 2.9 Phiếu xuất kho số 00571

05 Nguyễn Chích, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng

Mẫu số: 01 - TT

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Quyển số:

Số: PT00573

Nợ: 1111

Có: 131

Họ tên người nộp tiền: Mẹ Bồng

Địa chỉ: Ngã 3 Hương An, Huyện Quế Sơn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Lý do nộp: Thu tiền khách hàng Mẹ Bồng theo hóa đơn 00000543

Số tiền: **15.876.000 VND**

Viết bằng chữ: *Mười lăm triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng.*

Kèm theo: 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười lăm triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng.

Bảng 2.10 Phiếu thu số 00573

2.2.2.2 Tài khoản kế toán sử dụng

a. Tài khoản chi tiết

- Tài khoản chi tiết TK131,511

b. Tài khoản tổng hợp

- Ghi nhận doanh thu hàng bán được, kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Công nợ của khách hàng, kế toán sử dụng TK 131 – Phải thu của khách hàng

- Khi xuất hàng bán cho khách hàng, tài khoản kế toán sử dụng là TK 632 – Giá vốn, TK 156 – Hàng hóa

- TK 3331- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Tiền hàng được thanh toán bằng tiền mặt, kế toán sử dụng TK 111 – Tiền mặt; thanh toán bằng tiền gửi Ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

2.2.2.3 Lập sổ kế toán

- Căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán tiến hành nhập liệu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào máy tính, kế toán trích xuất các sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, Sổ kế toán chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết.

CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH

05 Nguyễn ChíCh , P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, HÀNG HÓA

Quý IV 2024

Tài khoản: 156 Tên kho: Hàng hóa

Tên hàng hóa:156BG OO PM118-Bánh gạo One One gold vị pho mai ngo 118g

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3=(1x2)	4	5=(1x4)	6	7=(1x6)	E
		Số dư đầu kỳ		17.200,00					1.000	17.200.000,00	
		Số phát sinh trong kỳ									
											
00692	30/11/2024	Xuất bán cho trường Huỳnh Thúc Kháng	632	17.200,00			30	516.000	1.270	21.844.000	
											
00571	31/12/2024	Xuất bán cho mẹ Bồng	632	17.200,00			300	5.160.000,	1.370	23.564.000	
		...									
Cộng số phát sinh trong tháng					700	12.040.000	450	7.740.000			
Số dư cuối kỳ									1.250	21.500.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Bảng 2.11 Sổ chi tiết vật liệu, hàng hóa

CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH

05 Nguyễn ChíCh , P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, HÀNG HÓA

Quý IV 2024

Tài khoản: 156 Tên kho: Hàng hóa

Tên hàng hóa: 156BG OO N150-Bánh gạo One One vị ngọt 150g

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3=(1x2)	4	5=(1x4)	6	7=(1x6)	E
		Số dư đầu kỳ		11.188					500	5.594.000	
		Số phát sinh trong kỳ									
											
00692	30/11/2024	Xuất bán cho trường Huỳnh Thúc Kháng	632	11.188			31	346.828	669	7.484.772	
											
00571	31/12/2024	Xuất bán cho mẹ Bồng	632	11.188			150	1.678.200	819	9.162.972	
		...									
Cộng số phát sinh trong tháng					500	5.594.000	381	4.262.628			
Số dư cuối kỳ									619	6.925.372	

Sổ này có 04 trang, được đánh số từ trang 01 đến trang 04

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Bảng 2.12 Sổ chi tiết vật liệu, hàng hóa

CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH

05 Nguyễn Chích , P.Hòa Minh, Q.Liên Chiêu, TP.Đà Nẵng

Mẫu số S07 - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN HÀNG HÓA**Quý IV/ 2024**

Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
BG OO PM118	Bánh gạo One One gold vị phô mai ngô 118g	Gói	1.000	17.200.000,00	400	6.880.000,00	330	5.676.000	1.070	18.404.000
BG OO N150	Bánh gạo One One vị ngọt 150g	Gói	500	5.594.000	150	1.678.200	181	2.025.028	469	5.247.172
										
	Tổng cộng		9.065	213.785.923	2.346	92.947.678	8.076	189.948.363	3.335	116.785.238

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Bảng 2.13 Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn hàng hóa

CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH

05 Nguyễn Chích , P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà
Nẵng

Mẫu số S06 - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Quý IV/2024

Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng

Đối tượng: 131NM0031 -CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX ĐÀ NẴNG

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ						
									
3/11/2024	543	3/11/2024	Bán hàng chưa thu tiền	511,3331		15.876.000			
									
18/11/2024	00593	18/11/2024	Thu tiền hàng của công ty INTIMEX	111			15.876.000		
									
			Cộng số phát sinh			15.876.000	15.876.000		
			- Số dư cuối tháng					0	

Ngày mở sổ: 19/08/2024

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Bảng 2.14 Sổ chi tiết thanh toán với người mua

CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH

05 Nguyễn Chích , P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà
Nẵng

Mẫu số S06 - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Quý IV/2024

Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng

Đối tượng: 131NM0025 -Cô Điềm

Đơn vị tính: VND

Ngàytháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạnchiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngàytháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ						
									
05/12/2024	567	05/12/2024	Bán hàng chưa thu tiền	511,3331		11.259.000			
									
25/12/2024	00621	25/12/2024	Thu tiền hàng của Cô Điềm	111			11.259.000		
									
			Cộng số phát sinh			11.259.000	11.259.000		
			- Số dư cuối tháng					0	

Ngày mở sổ: 19/08/2024

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Bảng 2.15 Sổ chi tiết thanh toán với người mua

CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH

05 Nguyễn Chí , P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Mẫu số S06 - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Quý IV/2024

Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng

Đối tượng: NM0022-Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ					0	0
			- Số phát sinh trong kỳ						
									
30/11/2024	201	30/11/2024	Bán hàng chưa thu tiền	511,3331		1.007.043			
									
16/12/2024	00003	16/12/2024	Thu tiền hàng của Trường HTK	112			1.000.000	7.043	
									
			Cộng số phát sinh			1.007.043	1.000.000		
			- Số dư cuối tháng					7.043	

Ngày mở sổ: 19/08/2024

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Bảng 2.16 Sổ chi tiết thanh toán với người mua

- Từ sổ chi tiết thanh toán với người mua, kế toán trích xuất dữ liệu lên bảng Tổng hợp Công nợ phải thu

CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VI

05 Nguyễn Chích , P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà

Nẵng

TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU

Đơn vị tính: VND

Mã khách hàng	Tên khách hàng	TK công nợ	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
NM0031	CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX ĐÀ NẴNG	131	0	0	15.876.000	15.876.000	0	0
NM0025	Cô Diễm	131	0	0	11.259.000	11.259.000	0	0
NM0022	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	131	0	0	1.007.043	1.000.000	7.043	0
								
	CỘNG		243.987.532	0	412.786.831	346.985.921	309.788.442	0

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bảng 2.17 Bảng tổng hợp công nợ phải thu

CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH

05 Nguyễn Chích , P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Mẫu số S03a - DNN(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Quý IV /Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	F	1	2
			Số trang trước chuyển sang		2.181.867.342	2.181.867.342
						
30/11/2024	201	30/11/2024	Bán hàng cho Trường Huỳnh Thúc Kháng	131	1.007.043	
				511		932.447
				3331		74.596
30/11/2024	00692	30/11/2024	Xuất bán cho Trường Huỳnh Thúc Kháng	632	862.828	
				156		862.828
						
16/12/2024	00003	16/12/2024	Thu tiền của Trường Huỳnh Thúc Kháng	112	1.000.000	
				131		1.000.000
16/12/2024		16/12/2024	Bán hàng cho công ty RES	112	1.102.536	
				511		1.020.867
				3331		81.669
16/12/2024	00348	16/12/2024	Xuất bán cho Công Ty RES	632	958.360	
				156		958.360
						

31/12/2024	543	31/12/2024	Bán hàng cho Mẹ Bồng	111	15.876.000	
				511		14.700.000
				3331		1.176.000
31/12/2024	00571	31/12/2024	Xuất bán cho Mẹ Bồng	632	13.829.600	
				156		13.829.600
						
			Cộng chuyển sang trang sau	X	3.432.194.021	3.432.194.021

- Sổ này có 79 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 79

- Ngày mở sổ: 19/08/2024

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Bảng 2.18 Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH

05 Nguyễn Chích , P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Mẫu số S03a - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Quý IV /2024

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày,tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
								
30/11/2024	201	30/11/2024	Bán hàng cho Trường Huỳnh Thúc Kháng			131		1.000.000
								
16/12/2024	320	16/12/2024	Bán hàng cho công ty RES			112		1.102.536
31/12/2024	543	31/12/2024	Bán hàng cho Mẹ Bồng			111		14.700.000
								
Cộng số phát sinh trong tháng								4.157.864.986

Sổ này có 04 trang, được đánh số từ trang 01 đến trang 04

Ngày mở sổ: 19/08/2024

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Bảng 2.19 Sổ cái TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH

05 Nguyễn Chích , P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Mẫu số S03a - DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Quý IV /2024

Tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày,tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ				243.987.532	
			Số phát sinh trong kỳ					
								
03/11/2024	HD542	03/11/2024	Bán hàng cho công ty INTIMEX			511,131	15.876.000	
								
18/11/2024	PT00593	18/11/2024	Thu tiền hàng của công ty INTIMEX			111		15.876.000
								
30/11/2024	HD201	30/11/2024	Bán hàng chưa thu tiền Trường HTK			511,3331	1.007.043	
								
05/12/2024	HD567	05/12/2024	Bán hàng cho cô Diễm chưa thu tiền			511,131	11.259.000	
								
16/12/2024	GBC0003	16/12/2024	Thu tiền hàng của Trường HTK			112		1.000.000
								
25/12/2024	PT00621	25/12/2024	Thu tiền hàng cô Diễm			111		11.259.000
Cộng số phát sinh trong tháng							412.786.831	346.985.921
Số dư cuối kỳ							309.788.442	

Ngày mở sổ: 19/08/2024

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Bảng 2.20 Sổ cái TK 131 - Phải thu của khách hàng

CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH

05 Nguyễn Chích , P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Mẫu số S03a - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Quý IV /2024

Tài khoản 632 - Giá vốn*Đơn vị tính: VND*

Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày,tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
								
30/11/2024	XK00692	30/11/2024	Xuất bán cho Trường Huỳnh Thúc Kháng			156	862.828	
								
16/12/2024	00348	16/12/2024	Xuất bán cho công ty RES			156	958.360	
								
31/12/2024	XK00573	03/12/2023	Xuất bán cho Mẹ Bổng			156	13.829.600	
								
Cộng số phát sinh trong tháng							3.485.241.436	

Sổ này có 04 trang, được đánh số từ trang 01 đến trang 04

Ngày mở sổ: 19/08/2024

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Bảng 2.21 Sổ cái TK 632 – Giá vốn

CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH

05 Nguyễn Chích , P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Mẫu số S03a - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

QuýIV/2024

Tài khoản 156 - Hàng hóa*Đơn vị tính: VND*

Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày,tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ				213.785.923	
			Số phát sinh trong kỳ					
								
30/11/2024	00692	30/11/2024	Xuất bán cho Trường HTK			632		862.828
								
16/12/2024	00348	16/12/2024	Xuất bán cho công ty RES			632		958.360
								
31/12/2024	00573	03/12/2023	Xuất bán cho Mẹ Bổng			632		13.829.600
								
Cộng số phát sinh trong tháng							92.947.678	189.948.363
Số dư cuối kỳ							116.785.238	

Sổ này có 04 trang, được đánh số từ trang 01 đến trang 04

Ngày mở sổ: 19/18/2024

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Bảng 2.22 Sổ cái TK 156 – Hàng hóa

CÔNG TY TNHH TM MINH THUẬN VINH

05 Nguyễn Chích , P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Mẫu số S03a - DNN(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Quý IV /2024

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày,tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu kỳ					894.959
			Số phát sinh trong kỳ					
								
30/11/2024	201	30/11/2024	Bán hàng cho Trường Huỳnh Thúc Kháng			131		74.596
16/12/2024	00348	16/12/2024	Xuất bán cho công ty RES			112		81.669
								
31/12/2024	543	03/12/2023	Bán hàng cho Mẹ Bồng			111		1.176.000
								
Cộng số phát sinh trong tháng								165.876.421
Số dư cuối kỳ								166.771.380

Sổ này có 04 trang, được đánh số từ trang 01 đến trang 04

Ngày mở sổ: 19/08/2024

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Bảng 2.23 Sổ cái TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

2.3. Nhận xét

2.3.1. Về chấp hành chế độ, chính sách kế toán

Với quy mô hoạt động nhỏ, công ty áp dụng hệ thống tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC .

-Chứng từ kế toán

- + Các chứng từ kế toán đều được sử dụng dựa theo hướng dẫn và quy định của Bộ Tài chính ban hành, có thêm bớt một vài thông tin để phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, những thông tin nghiệp vụ phát sinh được phản ánh chính xác vào chứng từ.
- + Các chứng từ đều được Kế toán trưởng kiểm tra chặt chẽ và phản ánh kịp thời.
- + Các chứng từ được đánh số , ghi rõ thời gian, sắp xếp theo thứ tự ngày tháng và theo các nghiệp vụ phát sinh trước khi đem vào lưu trữ.
- + Doanh nghiệp áp dụng đầy đủ các chính sách của Bộ tài chính ban hành, ngoài những chứng từ theo mẫu của Bộ ban hành thì Doanh nghiệp lập thêm một vài chứng từ để thuận lợi cho việc theo dõi và ghi chép sổ sách kế toán.

-Tài khoản kế toán

- + Công ty sử dụng hệ thống tài khoản kế toán theo Thông tư 133 của Bộ tài chính, mở thêm tài khoản cấp 2, cấp 3 rất khoa học nhằm phản ánh các nghiệp vụ một cách chi tiết, cụ thể hơn.

-Sổ kế toán

- + Công ty sử dụng phần lớn hệ thống sổ sách theo quy định của Bộ Tài chính ban hành và cũng rút gọn một vài sổ

2.3.2. Về phân công nhiệm vụ

Cơ cấu tổ chức của Công ty gọn nhẹ và đơn giản, phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho từng nhân viên. Nhưng đặc biệt trong bộ phận kế toán, số lượng nhân viên ít, một kế toán viên làm hết tất cả các phần hành nên nhiều lúc chưa làm hết công việc được kịp thời.

2.3.3. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán

- Công ty sử dụng phần mềm kế toán MISA cho công việc hạch toán, theo dõi số liệu và sổ sách, rất nhanh chóng và thuận lợi, đỡ bớt công việc và thời gian rất nhiều so với việc làm kế toán thủ công, cuối kỳ hay bất cứ lúc nào cần số liệu để kiểm tra báo cáo đều có thể kết xuất từ phần mềm cho ra kết quả nhanh chóng và chính xác.
- Ngoài ra cũng áp dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai (HTKK) cho việc lập Báo cáo tài chính, kê khai Thuế và các công việc khác liên quan giúp cho việc lập và điền dữ liệu vào các tờ khai được nhanh chóng và chính xác hơn

CHƯƠNG 3: BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

3.1. Những điểm giống và khác nhau giữa lý thuyết và thực tiễn kế toán bán hàng và phải thu khách hàng

3.1.1. Điểm giống nhau

- Việc hạch toán các nghiệp vụ tài bán hàng và thu tiền phát sinh hoàn toàn giống với trên lý thuyết.

- Doanh nghiệp sử dụng các tài khoản, chứng từ và sổ sách theo đúng mẫu mà Bộ Tài chính ban hành, vận dụng đầy đủ các nguyên tắc phù hợp với chế độ kế toán theo Thông tư 133

- Các nghiệp vụ xảy ra đều được hạch toán, ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác

3.1.2. Điểm khác nhau

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ, mỗi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh lập tức được ghi chép vào sổ sách có liên quan nhưng trên thực tế, vào cuối tháng kế toán sẽ dựa vào các chứng từ để ghi sổ thay vì ghi hàng ngày và khóa sổ, in sổ vào cuối quý.

- Việc ký tên trên các chứng từ kế toán thực tế cũng không được ký tên đầy đủ như theo lý thuyết là phải được ký đầy đủ để đảm bảo tính hợp lý.

- Có nhiều mục trên chứng từ không được điền đầy đủ.

- Doanh nghiệp không lập các sổ nhật ký đặc biệt như Nhật ký thu tiền, Nhật ký bán hàng,.. thay vào đó các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh hết vào sổ Nhật ký chung.

- Ngoài những chứng từ theo mẫu quy định của Bộ Tài chính, Doanh nghiệp lập thêm nhiều chứng từ như Phiếu giao hàng, Bảng kê hàng xuất,.. để phù hợp với yêu cầu và đặc điểm hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp, không sử dụng hết tất cả các chứng từ và sổ sách như quy định.

- Trên lý thuyết, mỗi kế toán sẽ chịu trách nhiệm về một phần hành kế toán nhất định nhưng trên thực tế một kế toán làm rất nhiều phần hành khác nhau.

- Thực tế rất nhiều nghiệp vụ bán hàng thu bằng tiền gửi Ngân hàng thì số tiền khách hàng thanh toán cho Doanh nghiệp không đúng với số tiền phát sinh của nghiệp vụ đó, khách hàng thường chuyển khoản một số tiền nhỏ hoặc lớn hơn số tiền thực tế phát sinh. Vì vậy đa số việc sắp xếp chứng từ Giấy báo Có đi kèm với Hóa đơn GTGT của một nghiệp vụ nào đó ở Doanh nghiệp thì số tiền trên Giấy báo Có chỉ mang tính tương đối chứ không trùng khớp với số tiền trên Hóa đơn.

- Với những khách hàng thường xuyên mua hàng của Công ty, nếu khách hàng khi thanh toán tiền hàng mà giá trị trên 20 triệu, không muốn chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng, muốn thanh toán bằng tiền mặt, nhân viên của Công ty sẽ tách số tiền phát sinh của một nghiệp vụ đó ra thành nhiều Hóa đơn GTGT để đảm bảo số tiền trên mỗi Hóa đơn không vượt quá 20 triệu như quy định. Như vậy nghiệp vụ chỉ phát sinh một lần nhưng lại được lập nhiều hơn một Hóa đơn GTGT nhưng vẫn đảm bảo đúng tổng số tiền cần thanh toán.

3.2. Bài học kinh nghiệm của bản thân khi thực hiện kế toán bán hàng và phải thu khách hàng

3.2.1. Về kiến thức

- Cùng cố kiến thức lý thuyết về phân hành bán hàng và phải thu khách hàng đã được học ở Trường và hiểu thêm về các nghiệp vụ phát sinh thực tế trong quá trình bán hàng và thu tiền tại đơn vị thực tập mà ở chương trình học chưa được đề cập tới.

- Khi được tiếp xúc và tìm hiểu thực tế trong thời gian thực tập, bản thân thấy được khá nhiều nghiệp vụ bán hàng được kế toán xử lý linh hoạt và đơn giản hơn nhiều so với lý thuyết được học.

3.2.2. Về kỹ năng

- Được rèn luyện kỹ năng làm việc với cấp trên và với các đồng nghiệp trong công ty, kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp giữa các bộ phận với nhau

- Tập làm quen được với môi trường làm việc của một Doanh nghiệp thực tế

- Trau dồi được kỹ năng tìm kiếm và thu thập tài liệu, thông tin liên quan đến công tác kế toán phân hành bán hàng và thanh toán tiền hàng thông qua các chứng từ, sổ sách, tài liệu của Công ty và cả những nhân viên tại Công ty đang thực tập

- Khác với môi trường học trên giảng đường, tại đơn vị thực tập, khi đã là thực tập sinh thì sẽ có những yêu cầu khắt khe dưới áp lực công việc. Vì thế giúp bản thân rèn luyện được sự nhanh nhạy, tính trách nhiệm cao, khả năng thích ứng tốt với môi trường mới và giải quyết nhiều vấn đề tốt hơn.

3.2.3. Về thái độ

- Rèn luyện thái độ nghiêm túc, tự giác trong môi trường làm việc chuyên nghiệp của Công ty

- Tinh thần, thái độ làm việc tích cực và luôn luôn học hỏi, lắng nghe

- Khi được làm việc với các bộ phận trong công ty và với cấp trên, bản thân trau dồi được thái độ tôn trọng mọi người, cởi mở và tinh thần cầu tiến, không từ chối công việc được giao

3.3. Đề xuất, kiến nghị với nhà trường khi tổ chức giảng dạy phần hành kế toán bán hàng và phải thu khách hàng.

- Qua thời gian thực tập 3 tháng không quá ngắn nhưng cũng không dài tại đơn vị, em thấy nhà trường nên liên hệ, tổ chức cho sinh viên được đi học việc hay đi thực tế tại đơn vị trước khi đi thực tập để sinh viên có cơ hội được tiếp cận sớm với môi trường Doanh nghiệp, các nghiệp vụ thực tế xảy ra và được tham gia làm việc như một kế toán thực sự để có thêm nhiều kiến thức và kinh nghiệm hơn, học hỏi được nhiều điều để khi đi thực tập có thể hoàn thành bài báo cáo cách trọn vẹn.

- Trong quá trình giảng dạy phần hành kế toán bán hàng và thanh toán tiền hàng nên giảm bớt lý thuyết và thêm dẫn chứng nhiều tình huống thực tế để sinh viên biết thêm và học được cách xử lý các trường hợp khác biệt giữa thực tế với lý thuyết.

- Tổ chức cho sinh viên song song với việc học lý thuyết sẽ thực hành luôn cách hạch toán, ghi các chứng từ sổ sách liên quan đến các nghiệp vụ trong phần hành đó.

- Cần tăng thêm số tiết học của môn Kế toán máy để sinh viên làm quen và thực hành trau dồi khả năng ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác kế toán, thay vì viết tay thủ công thì có thể cho sinh viên thực hành trực tiếp trên máy để tạo thành thói quen và kỹ năng làm việc nhanh chóng, hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Giáo trình Nguyên lý kế toán* - xuất bản 2014 của Trường Cao đẳng Thương Mại.
- [2] *Giáo trình Tổ chức công tác kế toán* - xuất bản 2016 của Trường Cao đẳng Thương Mại.
- [3] Số liệu kế toán tại đơn vị thực tập - Công ty TNHH TM Minh Thuận Vinh
- [4] Các bài báo cáo của những năm trước trên trang web: thuvienso.cdtm.edu.vn
- [5] Các tài liệu tham khảo trên trang web: google.com.vn